TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 7 - 2023
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Sô Huy;

Ông Nguyễn Văn Triệu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Anh Dũng – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1996

Địa chỉ: Số 129/1, ấp Đ, xã Đ, huyện C. Tp. C(Có mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Hữu T, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Khu vực Hòa, phường T, quận Ô, Tp. C (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Phạm Thị Hồng T trình bày: Bà Phạm Thị Hồng T và ông Phạm Hữu T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Thới Hòa, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến bất hòa về tình cảm do không có tiếng nói chung, ông T không tôn trọng gia đình của bà T, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vì thương con bà T đã cố gắng nhẫn nhịn để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, nên ông T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Do thấy, hôn nhân không hạnh phúc, nên bà T xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà T và ông T có 01 con chung là Phạm Anh K (nam), sinh ngày 04/01/2022, hiện do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ vào hòa giải, nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phạm Thị Hồng T và Phạm Hữu T, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà T có đơn xin ly hôn với ông T đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Tranh chấp này, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn quận Ô Môn, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập đối với ông T, nhưng ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh ông T theo định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đời sống vợ chồng không có tiếng nói chung ông T không tôn trọng gia đình của bà T, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, Tại phiên tòa, bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn với ông T. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập nhiều lần, nhưng ông T vắng mặt không lý do, cũng như không văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà T. Điều đó chứng tỏ, ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà T, mục đích hôn nhân giữa các đương sự là hạnh phúc không đạt được. Nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Anh K (nam), sinh ngày 04/01/2022 đến tuổi trưởng thành. Hiện nay, cháu K đang sinh sống cùng với bà T. Nhằm tạo điều kiện cho cháu K được gần gủi và sự chăm

sóc của mẹ, cũng như ổn định về chỗ ở, học tập để phát triển toàn diện. Nên giao cháu K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự, nên ghi nhận.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của của chung, các đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng và thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Do ông T vắng mặt, nên chưa ghi nhận được ý kiến của ông T về vấn đề này. Nên, tách thành vụ án khác để giải quyết, nếu sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng T với ông Phạm Hữu T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng T được ly hôn với ông Phạm Hữu T.

Về con chung: Bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Anh K (nam), sinh ngày 04/01/2022 đến tuổi trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của của chung, các đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng và thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Tách thành vụ án khác để giải quyết, nếu sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp.

Về án phí: Bà Phạm Thị Hồng T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0003514 ngày 20/4/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND TP. Cần Thơ;*
- VKSND quận ô Môn;
- *Chi cục THADS quận Ô Môn;*
- *UBND phường Thới Hòa, quận Ô Môn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quốc Kiệt